

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B3** Năm học: **24-25**
Mã MH/MĐ: **MH01070** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Động vật hại nông nghiệp**
Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160281	Nguyễn Thị Kim	Anh	09/05/2009				8	8.5	8.0			9.5		9.0
2	2456201160282	Nguyễn Hồ Trọng	Duy	24/10/2009				8	8.0	8.0			8.5		8.3
3	2456201160283	Lâu Xuân	Đào	22/03/2009				0	0.0	0.0			CT		0.0
4	2456201160285	Phạm Quốc	Hào	31/07/2009				8.5	5.0	8.0			8.0		7.6
5	2456201160286	Trần Thị Nhựt	Huỳnh	26/03/2009				7	7.0	9.0			10.0		9.1
6	2456201160287	Nguyễn Thanh	Khởi	11/11/2009				7	7.0	6.0			5.0		5.6
7	2456201160289	Nguyễn Hoàng	Luật	04/09/2009				8	8.5	8.0			0.0	0.0	3.3
8	2456201160290	Huỳnh Thị Cẩm	Ly	11/01/2009				7	5.0	9.0			10.0		8.8
9	2456201160291	Nguyễn Phạm Trà	Mi	11/01/2009				8	7.0	8.0			10.0		9.0
10	2456201160293	Nguyễn Hoàng	Nam	13/03/2009				5	7.0	5.0			7.5		6.8
11	2456201160294	Trần Bảo	Nam	30/12/2008				9.5	7.0	9.0			0.0	5.0	6.3
12	2456201160295	Trần Quốc	Nam	26/03/2008				9	9.0	8.0			7.0		7.6
13	2456201160296	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	15/12/2009				7	10.0	9.0			9.0		9.0
14	2456201160297	Nguyễn Cao Minh	Nhật	18/05/2009				9	7.0	9.0			8.0		8.1
15	2456201160298	Trần Thị Yến	Nhi	28/06/2009				7	10.0	8.5			8.0		8.3
16	2456201160299	Võ Thảo	Nhi	18/10/2008				5	7.0	8.0			10.0		8.8
17	2456201160300	Đồng Thị Huỳnh	Như	04/10/2009				7	7.0	9.0			10.0		9.1
18	2456201160303	Bùi Đức	Quy	16/09/2009				7	7.0	8.0			10.0		9.0
19	2456201160304	Nguyễn Thị Bảo	Quyên	16/01/2009				8	7.0	9.0			10.0		9.2
20	2456201160306	Trần Quốc	Thái	18/04/2009				5	9.0	9.0			7.0		7.5
21	2456201160896	Đoàn Văn	Đặng	23/05/2009				9.5	7.0	9.0			5.5		6.6

Châu Đốc, ngày 29 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Quốc Trinh